

Số: 590/2019/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 05 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 553/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Vương Tâm N, sinh năm 1967;

2. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Đường T, tổ N, khu phố F, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: Đường E, tổ S, khu phố H, phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Vương Tâm N và bà Trần Thị Kim H được xác lập vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa ông N và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Xét thấy, tình cảm giữa ông N và bà H đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 62, quyển số 01/2013 đăng ký ngày 08/3/2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy khai sinh số 219 đăng ký ngày 02/10/2017 tại Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời thừa nhận của ông N và bà H, ông bà có 02 (hai) con chung, họ và tên: Vương Huy Bảo L (Nam), sinh ngày 02/02/2013 và Vương Nữ Tường V (Nữ), sinh ngày 25/9/2017.

Cả hai thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi hai con chung 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng một tháng). Thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ tháng 9/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận.

Ông N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông N chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung: Ông N và bà H xác nhận có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông N và bà H xác nhận không có nợ chung.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông N và bà H chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Tâm N và bà Trần Thị Kim H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 121 đăng ký ngày 24/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông N và bà H có 02 (hai) con chung, họ và tên: Vương Huy Bảo L (Nam), sinh ngày 02/02/2013 và Vương Nữ Tường V (Nữ), sinh ngày 25/9/2017.

Giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng một tháng).

Thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ tháng 9/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông N chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông N và bà H chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031450 ngày 31 tháng 7 năm 2019. Vậy, ông N và bà H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

**THẨM PHÁN**

**Lê Thuần Phong**